

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Công viên khu vực đường
Trương Quang Trọng, thành phố Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: Số 1128/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015, số 756/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2017 và số 977/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng và bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Công viên khu vực đường Trương Quang Trọng, thành phố Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành của giai đoạn I, thuộc Dự án Công viên khu vực đường Trương Quang Trọng, thành phố Kon Tum;

Xét Tờ trình số 455/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum về việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công viên khu vực đường Trương Quang Trọng, thành phố Kon Tum và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4867/TTr-STC ngày 28 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Công viên khu vực đường Trương Quang Trọng, thành phố Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Mã số dự án: 7544519.
2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum.
3. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.
4. Địa điểm xây dựng: Phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
5. Thời gian khởi công - hoàn thành:
 - Được duyệt: Từ năm 2016 *(theo quy định)*.
 - Thực hiện:
 - + Phần xây lắp, nâng cấp tuyến đường Trương Quang Trọng: Từ ngày 27 tháng 11 năm 2017 đến ngày 25 tháng 4 năm 2018.
 - + Phần bồi thường, hỗ trợ: Từ ngày 30 tháng 12 năm 2009 đến ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Chi phí đầu tư:

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- 3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- 3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao cho đơn vị khác	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số:	53.567.545.582	-	-	-
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	53.567.545.582			
2. Tài sản ngắn hạn	-			

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

1. Chủ đầu tư (*Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum*) chịu trách nhiệm:

- Về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

- Về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng và các quy định khác có liên quan.

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và hạch toán kế toán; lưu trữ hồ sơ dự án; báo cáo tình hình tài sản với cơ quan chức năng theo đúng quy định của Nhà nước.

- Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	53.567.545.582	Tất toán sau khi hoàn thành thanh toán công nợ và hoàn ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh
1	Nguồn Ngân sách tỉnh	42.884.188.341	
2	Nguồn Ngân sách thành phố	10.683.357.241	

2. Các khoản phải thu, phải trả đến ngày 24 tháng 12 năm 2020:

2.1. Các khoản phải thu: 0 đồng.

2.2. Các khoản phải trả: 21.910.960.895 đồng, trong đó:

- Hoàn trả tạm ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh: 21.536.815.895 đồng.

- Các chi phí phải trả sau quyết toán: 374.145.000 đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện	Số tiền
	TỔNG CỘNG:		374.145.000
1	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc	Chi phí kiểm toán	290.501.000
2	Cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán ⁽¹⁾	Chi phí quyết toán	83.644.000

3. Nguồn vốn còn phải trả:

3.1. Nguồn ngân sách tỉnh năm 2019 đã bố trí cho Dự án được phép kéo dài sang năm 2020 thực hiện: 14.453.554 đồng⁽²⁾.

3.2. Nguồn ngân sách tỉnh tiếp tục bố trí: 21.896.507.341 triệu đồng, trong đó:

- Hoàn ứng cho Quỹ Phát triển đất tỉnh: 21.536.815.895 đồng.
- Thanh toán các khoản phải trả sau quyết toán: 359.691.446 đồng.

4. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng cộng	53.567.545.582	
Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum	53.567.545.582	

- Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

- Hướng dẫn cho chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành và kết quả trực tiếp thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án.

6. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh:

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

(1). Sở Tài chính tỉnh Kon Tum.

(2). Đã được chuyển nguồn tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đơn đốc chủ đầu tư thanh toán các khoản phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán và tất toán tài khoản của dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

Điều 4. Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PCVP_{HTKT});
- Lưu: VT, HTKT.TVL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 01: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: đồng*

T T	Tên nguồn vốn	Kế hoạch vốn	Giá trị phê duyet quyết toán	Giá trị thanh toán	Còn được thanh toán	Hoàn trả vốn tạm ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh
	Tổng số (I+II)	53.968.545.582	53.567.545.582	53.193.400.582	374.145.000	21.536.815.895
I	Nguồn ngân sách tỉnh (đã quyết toán tại Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/12/2018)	3.289.981.200	3.289.981.200	3.289.981.200	0	0
II	Nguồn NSNN (Quyết toán kỳ này)	50.678.564.382	50.277.564.382	49.903.419.382	374.145.000	21.536.815.895
1	<i>Nguồn ngân sách tỉnh</i>	<i>39.594.207.141</i>	<i>39.594.207.141</i>	<i>39.220.062.141</i>	<i>374.145.000</i>	<i>21.536.815.895</i>
2	<i>Nguồn ngân sách thành phố</i>	<i>11.084.357.241</i>	<i>10.683.357.241</i>	<i>10.683.357.241</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

PHỤ LỤC 02: CHI PHÍ ĐẦU TƯ*(Kèm theo Quyết định số:**/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (điều chỉnh)	Tổng dự toán (điều chỉnh)	Đã quyết toán tại Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh	Giá trị quyết toán kỳ này	Tổng giá trị quyết toán
	Tổng số:	84.989.844.000	84.989.844.000	3.289.981.200	50.277.564.382	53.567.545.582
1	Chi phí xây dựng	2.745.211.000	2.651.473.077	2.651.473.077	0	2.651.473.077
2	Chi phí thiết bị	0	0		0	0
3	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	80.191.717.000	80.745.866.275	69.585.000	49.903.419.382	49.973.004.382
4	Chi phí quản lý dự án	73.272.000	71.000.000	71.000.000	0	71.000.000
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	387.507.000	323.158.000	323.158.000	0	323.158.000
6	Chi phí khác	913.848.000	861.753.629	174.765.123	374.145.000	548.910.123
7	Chi phí dự phòng	678.289.000	336.593.019	0	0	0